

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2019/DS-PT

Ngày: 14/6/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* - Ông Nguyễn Hồng Thanh

- *Các Thẩm phán:* - Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Ông Nguyễn Đình Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Lê Nam – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:* Ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 44/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2018/DS-ST ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2019/QĐ-PT ngày 18 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐ-PT ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP P;

Trụ sở chính: Số 41 và 45 Lê Duẩn, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật ông Trịnh Văn T1 - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 35/2019/GUQ-CNHG, ngày 10/5/2019): Ông Nguyễn Duy T2 (có mặt), bà Trần Hồng N (vắng mặt), ông Liêu Thái H (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: PG1 – 20, Vincom Shophouse Vị Thanh, số 1, đường 3/2, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Huỳnh Thị T3, sinh năm: 1950;

Địa chỉ: Khu vực B, phường V, thị xã L, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/5/2019): Ông Ông Thanh T4 (có mặt);

Địa chỉ: Số 37 Ngô Quốc Trị, phường 5, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị T3

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP P (sau đây gọi tắt là Ngân hàng P) trình bày: Ngày 17/4/2009, bà Huỳnh Thị T3 có vay của Ngân hàng P số tiền 260.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là mua bán, lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 042 09 00 289 ngày 17/4/2009 cụ thể như sau: lãi suất cố định trong thời hạn 06 tháng đầu là 10.5%/năm, 06 tháng còn lại là lãi suất thả nổi theo thông báo của Tổng giám đốc.

Khi vay bà T3 có thế chấp cho Ngân hàng P quyền sử dụng đất theo hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00487 do UBND huyện L cấp ngày 29/7/2003 và H00098 do UBND huyện L cấp ngày 10/6/2005. Trong quá trình vay bà T3 có đóng lãi cho Ngân hàng P được 08 tháng với số tiền 18.740.833 đồng, sau đó thì ngưng không đóng nữa. Ngân hàng đã nhiều lần tạo điều kiện cho bà T3 nhưng bà T3 vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay Ngân hàng P khởi kiện yêu cầu bà T3 trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng số tiền là 885.386.667 đồng (trong đó gốc là 260.000.000 đồng, lãi trong hạn là 12.696.667 đồng, lãi quá hạn là 612.690.000 đồng)

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Thị T3 trình bày: Bà T3 thừa nhận lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng P là đúng. Ngày 21/4/2009, bà T3 có vay của Ngân hàng P số tiền 260.000.000 đồng. Sau khi vay, bà T3 đã đóng lãi được 08 tháng với số tiền 18.740.833 đồng thì ngưng. Hiện nay số tiền vốn bà T3 nợ Ngân hàng P là 260.000.000 đồng là đúng, đối với phần lãi bà T3 yêu cầu được tính lãi suất 0,875%/tháng, như vậy tổng số tiền lãi là 216.125.000 đồng ($0,85\% \times 260.000.000 \text{ đ} \times 95 \text{ tháng}$). Hiện nay do hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, bà T3 không có khả năng trả lãi theo lãi suất thả nổi của Ngân hàng P, bà T3 xin thêm một thời gian để bán đất sẽ thanh toán cho Ngân hàng P.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 247/2018/DS-ST, ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P.

[2] Buộc bị đơn Huỳnh Thị T3 phải trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền 885.386.667 đồng. (Trong đó tiền vốn 260.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 12.696.667 đồng, lãi quá hạn là 612.690.000 đồng). Trường hợp bà T3 không

thanh toán hết khoản nợ trên, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần P có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00487 do UBND huyện L cấp ngày 29/7/2003 và H00098 do UBND huyện L cấp ngày 10/6/2005, phần đất tọa lạc tại khu vực Bình Tân, phường V, thị xã L để thu hồi nợ.

Bà T3 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh từ sau ngày tuyên án sơ thẩm (26/11/2018) đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, không tính phần lãi trễ hạn (tiền phạt chậm trả lãi).

Sau khi bà T3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong cho phía ngân hàng thì phía ngân hàng có trách nhiệm giao lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00487 do UBND huyện L cấp ngày 29/7/2003 và H00098 do UBND huyện L cấp ngày 10/6/2005 cho bà T3.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự theo luật định.

Ngày 11/12/2018, bị đơn bà Huỳnh Thị T3 có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Bà T3 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, bà đã trả lãi cho ngân hàng số tiền 90.000.000 đồng, nên bà chỉ đồng ý trả cho ngân hàng số tiền 476.125.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bà T3 là ông Thanh T4 trình bày: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa đúng vì thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng vay đã hết, nên đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản. Đối với khoản tiền phải trả thì chỉ chấp nhận trả lại nợ gốc, không phải trả lãi

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng P là ông Nguyễn Duy T trình bày: Căn cứ Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ áp dụng thời hiệu khi bị đơn yêu cầu trước khi ra bản án sơ thẩm. Tuy nhiên, bị đơn không có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Về lãi suất theo yêu cầu khởi kiện là đúng theo thông báo của Tổng giám đốc, tuy nhiên do ngân hàng không thể thu thập được các thông báo điều chỉnh lãi suất vào thời điểm thực hiện hợp đồng vay nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 10,5%/năm để tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Trong quá trình xét xử sơ thẩm, bị đơn không có yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên yêu cầu này của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không được chấp nhận ở cấp phúc thẩm. Đối với yêu cầu không trả lãi của bị đơn do hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm tính lãi suất là cao hơn so với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, nhưng không cung cấp được các thông báo về việc điều chỉnh lãi suất. Tại phiên

tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị áp dụng mức lãi suất 10,5%/năm từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp. Từ những cơ sở trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lãi suất theo mức 10,5%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại cổ phần P khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị T3 phải trả số tiền nợ gốc 260.000.000 và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký số 0420900289 ngày 17/4/2009. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo quan hệ là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản (hợp đồng tín dụng) là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/12/2018, bà Huỳnh Thị T3 có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị T3 yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, bà đã trả lãi cho ngân hàng số tiền 90.000.000 đồng, nên bà chỉ đồng ý trả cho ngân hàng số tiền 476.125.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 17/4/2009, bà Huỳnh Thị T3 có ký kết hợp đồng tín dụng số 0420900289 với ngân hàng TMCP P - chi nhánh H để vay số tiền 260.000.000 đồng. Cùng ngày, bà T3 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0420900289 thế chấp ba thửa đất số 228, 227 và 234 để đảm bảo cho khoản nợ vay trên. Theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết thì thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 0,875%/ tháng (10,5%/năm), cố định 6 tháng đầu, từ tháng thứ 7 áp dụng theo thông báo về lãi suất cho vay của Tổng giám đốc và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T3 đóng lãi được 08 tháng với số tiền 18.740.833 đồng thì ngưng không đóng lãi, cũng như không trả nợ gốc cho ngân hàng P.

[3.2] Theo hợp đồng tín dụng thì các bên thỏa thuận lãi suất 6 tháng đầu tiên cố định là 0,875%/tháng, từ tháng thứ 7 trở đi sẽ áp dụng theo thông báo lãi suất của Tổng giám đốc. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 30/11/2009 Ngân hàng điều chỉnh lãi suất lên 12%/năm, đến ngày 27/02/2010 tiếp tục điều chỉnh tăng lên 18%/năm. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử phúc thẩm, Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng P cung cấp các quyết định hoặc thông báo của Tổng giám đốc về việc điều chỉnh lãi suất tại các thời điểm nêu trên, nhưng Ngân hàng P không cung cấp được, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận việc điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng P trong quá trình thực hiện hợp đồng. Theo lịch trả nợ ngày 21/4/2009 của Ngân hàng P cung cấp thể hiện lịch trả nợ là một phần không thể tách rời của Hợp đồng tín dụng số 0420900289 và lãi suất tính đến cuối kỳ ngày 21/4/2010 cũng chỉ là 10,5%/năm như thỏa thuận trong hợp đồng. Tại phiên tòa

phúc thẩm, đại diện của nguyên đơn cũng đề nghị áp dụng mức lãi suất 10.5%/năm kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Do đó, có cơ sở áp dụng mức lãi suất 10,5%/năm như các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết tranh chấp của các bên. Như vậy, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/11/2018) thì bà Huỳnh Thị T3 còn nợ ngân hàng P cụ thể như sau: Nợ gốc: 260.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.872.500 đồng; lãi quá hạn: 357.402.500 đồng, tổng cộng là 626.275.000 đồng.

[3.3] Đối với khoản tính phạt chậm trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì trong quá trình giải quyết sơ thẩm phía nguyên đơn đã rút lại nên không xem xét.

[3.4] Đối với kháng cáo của bà T3 cho rằng bà đã trả lãi cho ngân hàng P được 90.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, đại diện ngân hàng P chỉ thừa nhận bà T3 đã trả được 18.730.833 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà T3 đã trả cho ngân hàng P 18.730.833 đồng tiền lãi trong hạn là có căn cứ.

[3.5] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết nên quan hệ tranh chấp là đòi lại tài sản và ngân hàng chỉ có quyền đòi lại phần nợ gốc. Vấn đề này, Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *“Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc”*, vụ án này trước khi tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, các đương sự không có yêu cầu áp dụng thời hiệu nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của đại diện theo ủy quyền của bị đơn về việc áp dụng thời hiệu để điều chỉnh quan hệ pháp luật và chỉ chấp nhận trả nợ gốc.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy kháng cáo của bà T3 là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu. Bà T3 thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Chính phủ, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T3 nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là không đúng, cần rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị T3.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Áp dụng các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần P.

[2] Buộc bị đơn Huỳnh Thị T3 phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần P số tiền 626.275.000 đồng (Trong đó nợ gốc là 260.000.000 đồng, lãi trong hạn là 8.872.500 đồng, lãi quá hạn là 357.402.500 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn của hợp đồng tín dụng đã ký kết là 15,75%/năm,

Trường hợp bà T3 không thanh toán hết khoản nợ trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần P có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00487 do UBND huyện L cấp ngày 29/7/2003 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00098 do UBND huyện L cấp ngày 10/6/2005 để thu hồi nợ.

Trường hợp bà T3 thực hiện xong nghĩa vụ trả khoản nợ trên, thì Ngân hàng thương mại cổ phần P có trách nhiệm trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00487 do UBND huyện L cấp ngày 29/7/2003 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00098 do UBND huyện L cấp ngày 10/6/2005 cho bà T3.

[3] Án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Huỳnh Thị T3 được miễn (do bà T3 là hộ nghèo quy định của Chính phủ).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 17.905.000 (mười bảy triệu chín trăm lẻ năm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0015503 phiếu lập ngày 27/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã L.

Án phí dân sự phúc thẩm không ai phải chịu. Bà Huỳnh Thị T3 được nhận lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019295 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

Chi phí xem xét thẩm định: Nguyên đơn tự nguyện nộp (đã nộp xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 14/6/2019./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- *VKSND tỉnh Hậu Giang;*
- *TAND thị xã L;*
- *Chi cục THADS thị xã L;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

Nguyễn Hồng Thanh